

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/DS-ST

Ngày 29- 9- 2020

*“V/v Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Đoàn Thị Kiều Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong - kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn B, sinh năm 1945

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

3. *Những người làm chứng:*

3.1 Ông Đinh Văn T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

3.2 Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1952

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

3.3 Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến trình bày tại Tòa án, nguyên đơn – ông Lê Văn B đã trình bày như sau:

Ông B có 03 công đất tầm 03 mét tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang sử dụng vào việc nuôi thủy sản. Vào tháng 10 năm 2017 ông B đã thả 3.000 con cá tra giống với giá 3.000 đồng/01con và đến tháng 10 năm 2018 ông B tiếp tục thả thêm 4.000 con cá thác lác cườm giống với giá 4.000 đồng/01 con. Việc mua bán cá giống không có hóa đơn hay biên nhận vì mua của người bán dạo. Đất canh tác của ông B nằm giáp với đất của anh Nguyễn Tấn P.

Vào ngày 24/01/2019 âm lịch, anh P đã thuê rôbe vào mức đất để cải tạo vuông nhưng anh P đã mức lấn chiếm sang phần đất của ông B giáp đất của anh P vì vậy đã làm bể bờ vuông gây thiệt hại 50% số cá trong vuông của ông B. Thiệt hại cụ thể như sau:

2.000 con cá thác lác x 4.000 đồng/01 con = 8.000.000 đồng;

1.500 con cá tra x 3.000 đồng/01 con = 4.500.000 đồng.

Tổng thiệt hại là 12.500.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông B yêu cầu anh P phải bồi thường thiệt hại cho ông B với số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án – bị đơn anh Nguyễn Tấn P có ý kiến trình bày như sau:

Anh P có mảnh đất nằm giáp đất của ông B, tuy nhiên đất vuông của ông B không có bờ bao riêng mà bờ vuông thuộc về đất của anh P và sử dụng chung bờ với anh P.

Đến ngày 24/01/2019 âm lịch anh P thuê rôbe vào mức vuông và có mức thêm đất để đắp lên bờ cho lớn thêm chứ không mức qua phần đất của ông B. Đến ngày 26/01/2019 do nước thủy triều dâng cao thì bờ vuông của anh P bị bể làm nước tràn

qua vuông của ông B. Anh P đã kêu rôbe đắp lại phần bờ bị bể nhưng do rôbe đang đi làm chỗ khác nên đến hai ngày sau mới đắp được phần bờ bị bể. Khi bờ vuông của anh P bị bể thì ông B cũng đã sử dụng lưới rào lại nên cá dưới vuông không bị ra ngoài. Phần vuông của ông B thả bao nhiêu cá anh P không biết.

Nay ông B yêu cầu anh P bồi thường thiệt hại thì anh P không đồng ý bồi thường do anh P không có lỗi dẫn đến thiệt hại tài sản của ông B, tuy nhiên anh P tự nguyện hỗ trợ cho ông B số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Không thống nhất: Ông B yêu cầu anh P bồi thường thiệt hại với số tiền 10.000.000 đồng, anh P không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông B mà có ý kiến hỗ trợ ông B 5.000.000 đồng.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản sao sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của nguyên đơn, tờ tường trình ngày 17/6/2019 ngày 10/5/2019 và ngày 27/01/2019, Biên bản hòa giải ngày 01/3/2019, Đơn yêu cầu thu thập chứng cứ đối với ông Đinh Văn T, ông Mai Văn Đ và bà Huỳnh Thị N.

Chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có.

Tòa án thu thập chứng cứ: Biên bản lấy lời khai của ông Đinh Văn T (Phó trưởng ấp L, xã H), ông Mai Văn Đ và bà Huỳnh Thị N.

Bà N có lời trình bày như sau: Vuông của bà N nằm giáp vuông của ông B, bà N có thấy ông B thả cá vào vuông nhưng số lượng thả bao nhiêu, thả loại cá gì bà N không biết. Vào khoảng tháng 01/2019 bà N thấy bên vuông của anh P có thuê rôbe vào mức đất để cải tạo vuông. Còn việc bể bờ vuông, nước tràn bờ như thế nào thì bà N không rõ.

Ông Mai Văn Đ trình bày vào khoảng tháng 5/2017 ông Đ có mua cá của người bán dạo thì thấy ông B cũng có mua cá thác lác, cá tra và cá tai tượng để thả vào vuông, việc mua bán cá giống không có giấy tờ. Ngày 24/01/2019 việc bể bờ vuông nước tràn bờ thế nào anh Đ không được biết.

Ông Đinh Văn T trình bày: Ông T không biết việc ông B thả cá vào vuông để nuôi. Vào tháng 02/2019 khi ông B báo việc anh P mướn bờ làm cho cá của ông B đi thì ông T có xuống để xác minh và thấy bờ vuông bị bể hơn 01 tầm đã được ông B rào lại. Nguyên do bờ vuông bị bể là do thủy triều dâng cao, bờ mới mướn dẫn đến bị bể. Số lượng cá bị hao hụt thế nào thì ông T không rõ. Khi xuống xác minh Ban lãnh đạo ấp không lập biên bản vì thấy thiên tai làm bể bờ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng Điều 228 xét xử vắng mặt những người làm chứng. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn hỗ trợ nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự cùng có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về tài sản. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại tài sản”.

Tại phiên tòa những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện cho rằng do ông P đưa rôbe vào mức bờ vuông nên làm bể bờ gây thiệt hại cho tài sản của ông B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có quy định: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông B không cung cấp được bằng chứng xác thực để chứng minh về nguồn gốc, số lượng, giá thành của số tài sản bị thiệt hại là thực tế. Những thiệt hại về tài sản mà ông B yêu cầu anh P bồi thường đều do ông B ước tính và suy đoán.

Cũng tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có quy định: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với một số người làm chứng là bà Huỳnh Thị N và ông Mai Văn Đ theo yêu cầu của ông B. Tuy nhiên những người làm chứng này đều xác định không biết việc bể bờ vuông, nước tràn bờ. Như vậy ông Đ và bà N đã không chứng kiến tài sản của ông B có bị thiệt hại hay không và những người này không bổ sung được chứng cứ để chứng minh cho sự thiệt hại về tài sản của ông B. Hơn nữa qua lời trình bày của ông Đinh Văn T phó trưởng ấp L xã H - là người làm chứng do ông B yêu cầu xác minh cũng xác định việc bể bờ vuông là do thiên tai, do thủy triều dâng cao dẫn đến bể bờ. Như vậy không có căn cứ để xác định thiệt hại về tài sản của ông B và không có cơ sở để xác định những thiệt hại về tài sản của ông B là do lỗi của anh P.

Từ những căn cứ nêu trên xác định yêu cầu khởi kiện của ông là không có cơ sở pháp lý, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B đối với anh P.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù không đồng ý bồi thường thiệt hại vì xác định không gây ra thiệt hại cho ông B nhưng qua quá trình động viên của Hội đồng xét xử anh P đã tự nguyện hỗ trợ cho ông B số tiền 5.000.000 đồng. Nhận thấy sự tự nguyện của anh P không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, thể hiện tình làng nghĩa xóm, sự quan tâm chia sẻ thiệt hại với người bị thiệt hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: $10.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 500.000 \text{ đồng}$ (Năm trăm nghìn đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên cần buộc ông B phải nộp toàn bộ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được xét miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B về việc yêu cầu anh Nguyễn Tấn P bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tấn P về việc hỗ trợ cho ông Lê Văn B số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Thời gian thực hiện việc hỗ trợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn B có nghĩa vụ phải nộp án phí giá ngạch của vụ án là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được xét miễn toàn bộ tiền án phí phải nộp là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001695 ngày 04/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

4. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 29/9/2020.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS An Biên;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm